TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Đức Nhân
2. Bà Bùi Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 7 và ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST - DS ngày 03/3/2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 27/3/2023; số 41 ngày 25/4/2023; số 61 ngày 24/5/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01 ngày 19/6/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 32 ngày 11/7/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01 ngày 09/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Mạnh C1, sinh năm: 19xx; nơi thường trú: tổ x, khu x, phường T2, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ xx, khu xx, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 19xx; nơi thường trú: tổ x, khu 1, phường K1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ xx, khu x, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà D3 Thị L1, sinh năm 19xx; địa chỉ: tổ xx, khu x, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnhQuảng Ninh. Có mặt.

4. Người làm chứng: Ngân hàng X; người đại diện theo ủy quyền: ông

Nguyễn Văn C1 - Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch H3; địa chỉ: số 536 Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng ninh. (theo giấy ủy quyền số: 73/UQ-VCB-HH ngày 28/6/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Văng mặt.b

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh C1 trình bày:

Tháng 8/2011, anh và chị T1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Đến ngày 29/11/2011, anh, chị đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi lễ cưới, anh chị về chung sống tại nhà thuê trọ ở ngõ 1, phố Bạch Long, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng giữa năm 2016, anh chị mua và đến ở tại căn nhà chung cư tại Tòa nhà S3 chung cư Sunrise thuộc phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long. Năm xxxx, anh chị cùng nhau xây dựng được ngôi nhà trên thửa đất tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long và chung sống tại đó cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh và chị T1 đã nói chuyện với nhau tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã khuyên giải và vợ chồng hàn gắn tình cảm được một thời gian nhưng đến cuối năm 2020 mâu thuẫn tiếp tục xảy ra và không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình được nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay, tình cảm của anh dành cho chị T1 không còn, mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: anh và chị T1 có 03 con chung là Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 30/01/xxxxh, Nguyễn Quốc P2, sinh ngày 25/4/xxxx và Nguyễn Phúc L2, sinh ngày 13/9/xxxx. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc P2, còn chị T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Khánh N2 và Nguyễn Phúc L2, cho đến khi các con đủ 18 tuổi; anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Nguyễn Phúc L2 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: anh và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, chị T1 có đơn phản tố yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên anh có quan điểm như sau: tháng 9 năm 2011, mẹ anh là bà D3 Thị L1 mua thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và cho anh được mang tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 368041, số vào sổ cấp GCN: CHxxxxxx, do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 04/7/20211 mang tên Đ1, bà Đàm Thị Thúy; ngày 27/9/2011 đăng ký quyền sử dụng tên Nguyễn Mạnh C1. Thửa đất mua với giá 416.000.000 đồng,

toàn bộ là tiền của bà L1. Năm xxxx, vợ chồng anh xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất trên. Khi xây nhà, anh và chị T1 phải thế chấp toàn bộ nhà đất trên để vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương 300.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã trả hết số tiền còn nợ Ngân hàng 190.000.000 đồng (tiền trả nợ được trích từ tài khoản tiền lương của anh). Vì vậy anh đề nghị khối tài sản của mẹ anh bà L1 đã đóng góp thì trả cho bà L1, tài sản còn lại bao nhiêu chia đôi cho anh và chị T1. Đối với nợ chung, anh đề nghị chị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh ½ số nợ 190.000.000 đồng anh đã trả Ngân hàng là 95.000.000 đồng. Anh đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản và không có ý kiến khác.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa chị với anh Nguyễn Mạnh C1 cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống chung của vợ chồng đúng như anh C1 đã trình bày, chị không có ý kiến gì khác bổ sung. Đến nay, tình cảm của chị dành cho anh C1 không còn nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh C1 xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: chị và anh C1 có 03 con chung là Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 30/01/xxxx; Nguyễn Quốc P2, sinh ngày 25/4/xxxx và Nguyễn Phúc L2, sinh ngày 13/9/xxxx. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị và anh C1 có tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà xây dựng trên đất có địa chỉ tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, ngày 27/9/2011 được Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Mạnh C1 (do thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị và anh C1 đã tổ chức lễ cưới, đã chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn). Tuy nhiên tổng số tiền mua đất là 416.000.000 đồng, trong đó chị đóng góp 250.000.000 đồng (chị vay của đồng nghiệp, hiện đã trả hết) số tiền còn lại 176.000.000 đồng là của bà L1 (mẹ anh C1). Năm xxxx, vợ chồng chị xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất trên với tổng số tiền 1.280.000.000 đồng, trong đó chị đóng góp 730.000.000 đồng; bà D3 Thị L1 đóng góp 250.000.000 đồng, số còn lại 300.000.000 đồng, anh C1 vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Chị đồng ý với kết quả xem xét thẩm định, kết quả định giá tài sản. Quan điểm của chị là chia đôi tài sản nhà, đất này theo phương thức có ai mua thì bán rồi chia đôi số tiền bán được, còn nếu không có ai mua thì ai có nhu cầu sử dụng phải trả tiền chênh lệch cho bên còn lại.

Về nợ chung: anh C1 yêu cầu chị phải trả 50% số tiền 190.000.000 đồng anh đã trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương, chị không đồng ý trả.

Về số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài

sản chị chịu không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D3 Thị L1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có quan điểm:

Tại đơn trình bày của chị T1 đề ngày 20/8/2021, bà có quan điểm bà và chị T1 cùng góp tiền mua đất và làm nhà và cho anh C1, chị T1 đứng tên. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2022, và bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa bà L1 thay đổi quan điểm cho rằng đất là do bà mua trước khi anh C1 kết hôn với chị T1. Bà nhờ anh C1 tiến hành thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh C1 tự ý đứng tên không nói cho bà biết. Năm xxxx, bà biết anh C1, chị T1 xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên đất, bà không phản đối và không đóng góp gì vào việc xây dựng nhà. Vì đất là của bà nên bà không đồng ý chia mà muốn được ở lại nhà đất để có chỗ ở, sau này bà chết bà sẽ để lại toàn bộ đất cho 3 con chung của anh C1, chị T1.

Tại công văn số 04 ngày 19/8/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam xác định đến ngày 16/8/2022 anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1 không còn bất kỳ nghĩa vụ nào với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam liên quan đến hợp đồng vay số 25 ngày 01/11/2018 và đã nhận lại tài sản bảo đảm.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả thửa đất 65m^2 tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long có giá trị 468.000.000 đồng, tài sản trên đất là ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm xxxx có giá trị 1.384.601.000 đồng. Tổng giá trị đất và nhà là 1.852.601.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của minh quy định tại các Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ các tài thu thập được có trong hồ vụ án, ý kiên phát biểu tranh luận và đối đáp của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ Điều 29, 33, 38, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tình cảm: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc P2 cho anh C1 trực tiếp nuôi; giao cháu Nguyễn Khánh N2 và Nguyễn Phúc L2 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi cho đến khi các con chung thành niên (18 tuổi); chị T1 không có nghĩa vụ cấp dương nuôi con chung; anh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phúc L2 với số tiền 1.000.000 đồng /tháng.

Về tài sản chung: Xác định quyền sử dụng đất và căn nhà là tài sản chung của anh C1 và chị T1, khoản nợ tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là nợ

chung nhưng anh C1 đã tự nguyện trả nợ trong thời kỳ hôn nhân nên chị T1 không phải chịu. Đề nghị chia tài sản chung cho anh C1 và chị T1 theo công sức đóng góp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị T1 có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thành phố Hạ Long nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 29/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường K1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên nảy sinh bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn tình cảm dành cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn về đoàn tụ. Anh C1 xin ly hôn, chị T1 đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1.

[4] Về con chung: anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1 có 03 con chung là Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 30/01/xxxx; Nguyễn Quốc P2, sinh ngày 25/4/xxxx và Nguyễn Phúc L2, sinh ngày 30/12/xxxx. Anh C1 có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc P2, chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con Ngọc và Lâm. Anh C1 cấp dưỡng cho con Nguyễn Phúc L2 1.000.000 đồng/tháng. Chị T1 có quan điểm xin trực tiếp nuôi cả 3 con chung và yêu cầu anh C1 cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy từ khi anh C1, chị T1 sống ly thân, các con chung ở cùng với chị T1 và đều được nuôi dưỡng học tậptrong điều kiện tốt. Nguyện vọng nuôi con của chị T1 phù hợp với ý kiến của hai con chung Nguyễn Khánh N2 và Nguyễn Quốc P2 là muốn được ở với chị T1. Hiện chị T1 có nhà, công việc thu nhập ổn định, các con chung cần ở với nhau để gắn bó tình cảm anh, chị em. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao các con chung Nguyễn Khánh N2, Nguyễn Quốc P2 và Nguyễn Phúc L2 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi từng con chung đến tuổi thành niên.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung nợ chung của chị Nguyễn Thị T1:

[5.1] Về đất: ngày 27/9/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 65 m^2, thửa số xxx, tờ bản đồ số xx, tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, mang tên Nguyễn

Mạnh C1. Giá nhận chuyển nhượng thửa đất là 416.000.000 đồng. Mặc dù thời điểm này anh C1 và chị T1 chưa đăng ký kết hôn nhưng đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đang chung sống với nhau nên chị T1 đã tham gia vào giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thể hiện tại "Giấy giao tiền" ngày 30/9/2011, có chữ ký của người bán là Đ1, người mua là Nguyễn Thị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 khai nhận đã vay 250.000.000 đồng để mua đất (hiện đã trả xong). Lời khai của chị T1 phù hợp với quan điểm của bà D3 Thị L1 (mẹ anh C1) tại "Đơn trình bày" của chị T1 đề ngày 20/8/2011 về việc bà và chị T1 mua chung thửa đất. Ngày 01/6/2022 bà L1 thay đổi quan điểm cho rằng thửa đất là do bà mua và anh C1 tự ý đứng tên không nói cho bà biết. Lời khai ngày 01/6/2022 của bà L1 mâu thuẫn với lời khai của anh C1 bởi vì anh C1 có quan điểm thửa đất là do bà L1 mua và cho anh đứng tên. Mặt khác giữa anh C1 và bà L1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh C1 được bà L1 cho quyền sử dụng đất. Do đó không có căn cứ xác nhận thửa đất trên bà L1 cho anh C1 làm tài sản riêng mà thửa đất trên là tài sản chung giữa bà L1 với vợ chồng anh C1, chị T1.

Giá trị thửa đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng năm xxxx là 416.000.000 đồng, bà L1 góp 176.000.000 đồng tương ứng 42%; số tiền 250.000.000 đồng chị T1 vay nhưng đã được trả trong thời kỳ hôn nhân tức là anh C1 cũng cùng chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó khi anh C1 và chị T1 có công sức đóng góp như nhau tương ứng mỗi người góp 29%.

Theo biên bản định giá tài sản, giá trị thửa đất tại thời điểm vụ án đang được giải quyết là 468.000.000 đồng. Vậy căn cứ Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình, bà L1 góp 42% tương ứng được hưởng 42% x 468.000.000 đồng = 196.560.000 đồng. Anh C1, chị T1 mỗi người góp 29% tương ứng mỗi người được hưởng 135.720.000 đồng.

[5.2] Về tài sản trên đất:

Năm xxxx, anh C1, chị T1 xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất trên, bà L1 không phản đối. Theo chị T1 nguồn tiền xây dựng nhà gồm 730.000.000 đồng của chị T1, 250.000.000 đồng của bà L1 và 300.000.000 đồng anh C1 vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương. Anh C1, bà L1 cùng xác nhận tài sản trên đất là của vợ chồng anh C1, chị T1 cùng tôn tạo, bà L1 không đóng góp. Do đó Hội đồng xét xử xác định ngôi nhà 3 tầng là tài sản chung của vợ chồng anh C1, chị T1 nên cả hai đều được hưởng giá trị tài sản như nhau, tương ứng với mỗi người được 1.384.601.000 đồng : 2 = 692.300.500 đồng.

Bà L1 có nguyện vọng không chia nhà đất vì bà tuổi đã cao, không có nơi ở khác nên muốn được ở tại nhà đất trên. Hiện bà L1 đang sinh sống cùng anh C1. Mặt khác chị T1 đã có nhà ổn định nên Hội đồng xét xử giao cho anh C1 quyền sử dụng thửa đất 65m^2 và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 3 tầng, tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long. Anh C1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà, đất cho chị T1 số tiền 828.020.500 đồng; thanh toán cho bà L1 giá trị đất 196.560.000 đồng.

[5.3] Về nợ chung: chị T1 có quan điểm năm 2018 vợ chồng chị vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương 300.000.000 đồng mục đích để xây nhà. Anh C1 có thừa nhận khoản vay này và đến ngày 16/8/2022, anh C1 đã sử dụng nguồn tiền lương để thanh toán toàn bộ khoản vay trên. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương đã có công văn gửi Tòa án xác nhận nội dung này. Căn cứ điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, nguồn thu nhập của anh C1 trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng do đó không còn nợ chung. Anh C1 yêu cầu chị T1 phải thanh toán 50% khoản nợ anh đã trả 190.000.000 đồng tương ứng 95.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản chị T1 tự nguyện chịu không đề nghị Tòa án xem xét, HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: anh Nguyễn Mạnh C1, chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà D3 Thị L1 là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33; Điều 37; khoản 1 Điều 51; Các Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm xxxx; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/xxxx/NQ - HĐTP ngày 11/01/xxxx của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh C1 và chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: giao 03 con chung Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 30/01/xxxx, Nguyễn Quốc P2, sinh ngày 25/4/xxxx và Nguyễn Phúc L2, sinh ngày 13/9/xxxx cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Mạnh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi từng con chung đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Mạnh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao anh Nguyễn Mạnh C1 quyền sử dụng thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 3 tầng, tại tổ 25, khu 2B, phường X1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BG 368041, số vào sổ cấp GCN: CHxxxxxx, do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 04/7/20211 mang tên ông Đ1, bà Đàm Thị T5; ngày 27/9/2011 đăng ký quyền sử dụng tên Nguyễn Mạnh C1. Anh Nguyễn Mạnh C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà D3 Thị L1 giá trị thửa đất theo công sức đóng góp 196.560.000 đồng; thanh toán cho chị Nguyễn Thị T1 giá trị thửa đất và công sức xây dựng ngôi nhà 3 tầng tổng số tiền là 828.020.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D3 Thị L1, chị Nguyễn Thị T1 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Mạnh C1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu, không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Mạnh C1 phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con và 36.840.615 đồng án phí chia tài sản chung. Tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003754 ngày 24/6/2021của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Anh C1 còn phải nộp 36.990.615 đồng. Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 36.840.615 đồng án phí chia tài sản chung. Tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 44.000.000 đồng chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000284 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Trả lại chị T1 7.009.385 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D3 Thị L1.

6. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND thành phố Hạ Long;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hạ Long;
- UBND phường K1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Hiệp